BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (FINANCE - BANKING)

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7340201

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: Cử nhân Ngành Tài chính – Ngân hàng

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (FINANCE - BANKING)
Trình độ đào tạo: Đại học
Mã ngành: 7340201
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 4 năm
Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ
Tên văn bằng: Cử nhân Ngành Tài chính – Ngân hàng
Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(Ban hành tại quyết định số ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Tài chính – Ngân hàng có năng lực chuyên môn tốt, năng động sáng tạo, phát hiện và giải quyết tốt các vấn đề, các thách thức mới của lĩnh vực tài chính, ngân hàng trong thực tiễn để đáp ứng yêu cầu của các cơ quan, tổ chức liên quan tới tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính - ngân hàng có khả năng:

- Đề xuất các giải pháp sáng tạo để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn trong công việc hàng ngày thông qua việc nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
- Có tinh thần khởi nghiệp; tiếp tục theo đuổi học tập nâng cao trình độ chuyên môn trở thành nhà quản lí, nhà lãnh đạo hoặc chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức liên quan tới tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước.
- Tuân thủ pháp luật, có tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp và xã hội

1.2 Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
Kiến thức chung (của Học viện)		
CĐR 1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. 1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. 1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Mức 3: Áp dụng
Kiến thức chung của khối ngành, ngành		
CĐR2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán, kiểm toán và marketing để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	2.1. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, thống kê, toán kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. 2.2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về quản trị, tài chính để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. 2.2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, marketing để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.	Mức 3: Vận dụng
Kiến thức chuyên môn		
CĐR 3. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng trong công tác quản lý và thực hiện tốt các nghiệp vụ của các cơ quan, tổ chức liên quan tới	3.1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng để thực hiện tốt các nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. 3.2. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng trong công tác quản lý, góp phần nâng cao kết quả, hiệu quả công việc chuyên môn.	Mức 3: Vận dụng

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
tài chính ngân hàng trong và ngoài nước.		
CĐR4. Đề xuất giải pháp phục vụ cho việc ra quyết định của các bên liên quan.	4.1. Đánh giá mức độ tuân thủ chế độ tài chính, ngân hàng hiện hành. 4.2. Đánh giá kết quả hoạt động của các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan tới tài chính ngân hàng trong và ngoài nước dựa trên các công cụ, phương pháp chuyên môn đã được học. 4.3. Đề xuất giải pháp hữu ích cho các bên liên quan.	Mức 6: Sáng tạo
Kĩ năng chung		
CĐR 5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. 5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.	Mức 3: Làm chính xác
CĐR 6: Làm việc nhóm và làm việc độc lập hiệu quả, thể hiện năng lực lãnh đạo nhóm.	6.1 Phối hợp làm việc nhóm, làm việc độc lập hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra. 6.2. Tổ chức và điều hành nhóm đạt được mục tiêu đề ra.	Mức độ 4: Phối hợp
Kĩ năng chuyên môn		
CĐR 7: Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phục vụ viết, trình bày báo cáo và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	7.1. Thực hiện thành thạo, hiệu quả việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. 7.2. Thực hiện thành thạo, hiệu quả việc viết, trình bày báo cáo dựa trên các thông tin được thu thập, phân tích nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Mức độ 3: Làm thành thạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của CĐR	Mức theo thang Bloom
CĐR 8: Xử lý các nghiệp vụ chuyên môn, các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định.	8.1. Thực hiện thành thạo, hiệu quả các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. 8.2. Xử lý thành thạo, hiệu quả các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định.	Mức độ 3: Làm thành thạo
Tự chủ và trách nhiệm		
CĐR 9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	9.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. 9.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.	Mức 3: Nội tâm hoá
CĐR 10: Chủ động, có trách nhiệm trong công việc được giao, tuân thủ pháp luật và các quy tắc, đạo đức nghề nghiệp.	10.1. Thể hiện tính trách nhiệm cao trong công việc được giao. 10.2. Tuân thủ pháp luật và các quy tắc, đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Mức độ 3: Nội tâm hoá

* *Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo gồm có:* Ngành Tài chính - Ngân hàng các trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Học Viện Tài Chính; Đại học Asia pacific university of technology and innovation và Đại học University of Leicester

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- ***Lĩnh vực***

- Tài chính;
- Ngân hàng;
- Kế toán, kiểm toán
- Quản trị kinh doanh;
- Đào tạo và nghiên cứu.

- ***Vị trí***

- Chuyên viên và quản lý trong các ngân hàng và tổ chức tài chính
- Chuyên gia tư vấn, phân tích tài chính, đầu tư, môi giới chứng khoán
- Kế toán viên, kiểm toán viên;
- Cán bộ nghiên cứu, nhà khoa học và giảng viên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

- *Nơi làm việc*

- Các ngân hàng thương mại
- Công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm
- Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước;
- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

- ***Đối với sinh viên Việt Nam:*** Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương có đủ điều kiện xét tuyển đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện.
- ***Đối với sinh viên quốc tế:*** Thí sinh là người nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt (hoặc Tiếng Anh đối với các chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh) đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- *Triết lý giáo dục*

  "Học bằng trải nghiệm và thực hành để trở thành cử nhân giỏi"
- *Chiến lược dạy và học*

  - Lấy sinh viên làm trung tâm hoạt động giảng dạy và học tập
  - Học đi đôi với hành
  - Sinh viên tích lũy kiến thức thông qua thông qua thực tập/trải nghiệm thực tế

5. Phương pháp đánh giá

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá thành phần dựa trên các chỉ báo (sau đây được gọi là rubric). Các rubric gồm 2 nhóm là rubric đánh giá quá trình và rubric đánh giá cuối kỳ. Trong đó, tổng trọng số các rubric đánh giá cuối kỳ không được nhỏ hơn 50%. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Điểm học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric.

Kết quả đánh giá học phần được tính theo công thức sau:

Điểm học phần = (a x điểm của rubric 1) + (b x điểm của rubric 2) + … + (n x điểm của rubric n).

Trong đó: a – Trọng số của rubric 1; b – Trọng số của rubric 2; n – Trọng số của rubric n.

Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một số thập phân.

Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và đánh giá theo đúng rubric đã được xây dựng trong đề cương chi tiết học phần. Giảng viên giảng dạy học phần chịu trách nhiệm công bố điểm đánh giá chi tiết theo rubric cho sinh viên.

Giảng viên lấy danh sách sinh viên của lớp học phần tren website: http://daotao.vnua.edu.vn.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 45 tín chỉ đại cương, 24 tín chỉ cơ sở ngành, 66 tín chỉ chuyên ngành (54 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 04 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và 04 tín chỉ tin học. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.
(*Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021: https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf*)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình

Cấu trúc chương trình

Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
Thương mại và hội nhập quốc tế 3(3;0)	Nguyên lý kinh tế 3(3;0)	Nguyên lý kế toán 3(3;0)	Kế toán tài chính 3(3;0)	Lịch sử Đảng CSVN 2(2;0)	Kế toán quản trị 3(3;0)	Thanh toán quốc tế 3(3;0)	Khóa luận tốt nghiệp TC-NH 10(0;10)
Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh 4(4;0)	Nông nghiệp hiện đại 4(4;0)	Marketing căn bản 3(3;0)	Nguyên lý thống kê 3(3;0)	Tư tưởng HCM 2(2;0)	Thị trường chứng khoán 3(3; 0)	Định giá tài sản 3(3; 0)	Chuẩn mực kế toán kiểm toán 3(3;0)
Pháp luật đại cương 4(4;0)	Sinh thái và môi trường 4(4;0)	Tài chính tiền tệ 3(3;0)	Tài chính doanh nghiệp 1 (3;0)	Tài chính doanh nghiệp 2 3(3; 0)	Hệ thống kiểm soát nội bộ 3(3;0)	Tài chính cá nhân 3(3; 0)	Phân tích tài chính doanh nghiệp 3(3;0)
Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng 3(3;0)	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số 4(4;0)	Quản trị học 3(3; 0)	Marketing NHTM 3(3;0)	Kế toán ngân hàng thương mại 3(3;0)	Tín dụng ngân hàng 3(3,0;0)	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo 3(3;0)	Toán tài chính 4 (4;0)
Cơ sở toán cho các nhà KT 3(3;0)	Triết học Mác - Lê Nin 3(3;0)	Tổ chức và quản lý kinh tế 3(3;0)	Ngân hàng thương mại (3; 0)	Kế toán chi phí 3(3;0)	Tài chính công 3(3;0)	Tài chính vi mô 3 (3;0)	
Tiếng Anh bổ trợ 1(1;0)	Tiếng Anh 0 2(2;0)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin 2(2;0)	Chủ nghĩa XHKH 2(2; 0)	Thanh toán điện tử 3(3;0)	Quản trị danh mục đầu tư 3(3;0)	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại 3(3;0)	
GD thể chất đại cương 1(0;1)	Kỹ năng mềm 6(6;0)	Tiếng Anh 1 3(3;0)	Tiếng Anh 2 3(3;0)	Thực tập nghề nghiệp TC-NH I 4(0;4)	Thực tập nghề nghiệp TC-NH II 4(0;4)	Công nghệ tài chính 3(3;0)	
	GD thể chất 3(0; 3)	Đường lối quân sự của Đảng 3(3;0)	Quân sự chung 2(1;1)				
		Công tác quốc phòng - an ninh 2(2;0)	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT 4(0;4)				

Ghi chú:

Khối kiến thức đại cương

Khối kiến thức cơ sở

Khối kiến thức chuyên

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG					**45**	**45**	**0**			
1	1	XH91001	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	4	4.0	0.0	BB		
2	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh	Entrepreneurship and Business Culture	4	4.0	0.0	BB		
3	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	International Trade and Integration	3	3.0	0.0	BB		
4	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and Public Communication	3	3.0	0.0	BB		
5	1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	An Introduction to Cefr - Based Tests	1	1.0	0.0	PCBB		
6	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information Technology and Digital Transformation	4	4.0	0.0	BB		
7	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern Agriculture	4	4.0	0.0	BB		
8	1	TM91012	Sinh thái và môi trường	Ecology and Environment	4	4.0	0.0	BB		
9	1	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	3.0	0.0	BB		
10	1	DN91039	Tiếng Anh 0	English 0	2	2.0	0.0	PCBB		
11	2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Economic Organization and Management	3	3.0	0.0	BB		
12	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Political economy of Marxism and Leninism	2	2.0	0.0	BB		
13	2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2	2.0	0.0	BB		
14	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2	2.0	0.0	BB		

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
15	2	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3	3.0	0.0	BB		
16	3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Idcology	2	2.0	0.0	BB		
17	3	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Vietnamese Communist Party History	2	2.0	0.0	BB	Tư tưởng Hồ Chí Minh	XH91076
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH					**24**	**24**	**0**			
18	1	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	Mathematics Basis for Economics	3	3.0	0.0	BB		
19	1	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Principles of economics	3	3.0	0.0	BB		
20	2	KE92001	Nguyên lý kế toán	Principes of acounting	3	3.0	0.0	BB		
21	2	KE92064	Marketing căn bản	Basics of Marketing	3	3.0	0.0	BB		
22	2	KE94098	Tài chính tiền tệ	Fundamentals Of Moneytary And Finance	3	3.0	0.0	BB		
23	2	KE94031	Quản trị học	Principles of Management	3	3.0	0.0	BB		
24	2	KT92104	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	3	3.0	0.0	BB	Nguyên lý kinh tế	KT92025
25	3	KE93128	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3.0	0.0	BB	Nguyên lý kế toán	KE92001
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH					**66**	**46**	**20**			
26	2	KE94017	Kế toán tài chính	Financial Accounting	3	3,0	0,0	TC	Nguyên lý kế toán	KE92001
27	2	KE94107	Ngân hàng thương mại	Commercial Banks	3	3,0	0,0	BB		

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
28	2	KE94102	Tài chính doanh nghiệp 1	Corporate Finance 1	3	3,0	0,0	BB	Tài chính tiền tệ	KE94098
29	2	KE94087	Marketing ngân hàng thương mại	Marketing of Comercial Bank	3	3,0	0,0	TC		
30	3	KE94112	Tài chính doanh nghiệp 2	Corporate Finance 2	3	2,0	1,0	BB	Tài chính doanh nghiệp 1	KE94102
31	3	KE94008	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3,0	0,0	BB	Nguyên lý kế toán	KE92001
32	3	KE94132	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	3,0	0,0	TC	Nguyên lý kế toán	KE92001
33	3	KE94114	Thanh toán điện tử	E- Payment	3	3,0	0,0	TC		
34	3	KE94374	Thực tập nghề nghiệp 1	Intership course Finance - Banking I	4	0,0	4,0	BB		
35	3	KE94103	Thị trường chứng khoán	Stock Market	3	2,5	0,5	BB	Tài chính tiền tệ	KE94098
36	3	KE94117	Tín dụng ngân hàng	Bank Credit	3	3,0	0,0	BB	Ngân hàng thương mại	KE94107
37	3	KE94111	Tài chính công	Public Finance	3	3,0	0,0	BB		
38	3	KE94133	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Internal control systems	3	3,0	0,0	TC	Nguyên lý kế toán	KE92001
39	3	KE94109	Quản trị danh mục đầu tư	Porfolio Management	3	3,0	0,0	TC	Thị trường chứng khoán	KE94103
40	3	KE94384	Thực tập nghề nghiệp II	Intership course Finance - Banking I	4	0,0	4,0	BB	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng I	KE94374
41	4	KE94115	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	3,0	0,0	BB		

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
42	4	KE94106	Định giá tài sản	Asset Valuation	3	3,0	0,0	BB	Tài chính tiền tệ	KE94098
43	4	KE94110	Tài chính cá nhân	Personal Finance	3	2,5	0,5	BB	Tài chính tiền tệ	KE94098
44	4	KE94144	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	Audit and Assurance Services	3	3,0	0,0	BB	Nguyên lý kế toán	KE92001
45	4	KE94113	Tài chính vi mô	Microfinance	3	3,0	0,0	BB		
46	4	KE94051	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại	Commercial Bank Risk Management	3	3,0	0,0	TC		
47	4	KE94101	Công nghệ tài chính	Fintech	3	3,0	0,0	TC		
48	4	KE94495	Khoá luận tốt nghiệp	Thesis	10	0,0	10,0	BB	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng II	KE94384
49	4	KE94130	Chuẩn mực kế toán kiểm toán	Accounting - Auditing Standards	3	0,0	0,0	Thay thế khóa luận tốt nghiệp	Nguyên lý kế toán	KE94136
50	4	KE94118	Toán tài chính	Financial Mathematics	4	0,0	0,0			
51	4	KE94105	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Corporate financial Analysis	3	0,0	0,0			

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

** Học phần kỹ năng mềm*

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

** Giáo dục thể chất và quốc phòng*

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết	BB/ TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1		PCBB
	GT01017	Điền Kinh	1		TC
	GT01018	Thể dục Aerobic	1		TC
	GT01019	Bóng đá	1		TC
	GT01020	Bóng chuyền	1		TC
	GT01021	Bóng rổ	1		TC
	GT01022	Cầu lông	1		TC
	GT01023	Cờ vua	1		TC
	GT01014	Khiêu vũ Thể thao	1		TC
	GT01015	Bơi	1		TC
	GT01024	Golf	1		TC
	GT01025	Yoga	1		TC

Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng - an ninh của Đảng	3		PCBB
	QS01012	Công tác quốc phòng an ninh	2		PCBB
	QS01013	Quân sự chung	2		PCBB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4		PCBB
Tổng số			**21**		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	BB

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập *(dự kiến)*

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4	4,0	0,0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh	4	4,0	0,0	BB	
1	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	3	3,0	0,0	BB	
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3,0	0,0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3,0	0,0	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1	1,0	0,0	PCBB	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0,0	1,0	PCBB	
2	KT92025	Nguyên lý kinh tế	3	3,0	0,0	BB	
2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4,0	0,0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4,0	0,0	BB	
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	4	4,0	0,0	BB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3,0	0,0	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2,0	0,0	PCBB	
2	KN01002, KN01003, KN01004, KN01005, KN01006, KN01008, KN01009, KN010010	Kỹ năng mềm: Chọn 3 trong 8 học phần (Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng hội nhập; Kỹ năng bán hàng; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc với các bên liên quan), Kỹ năng tìm kiếm việc làm)	6	6,0	0,0	PCBB	
2	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất: (Chọn 03 trong 11 HP: Khiêu vũ thể thao, Bơi, Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, bóng chuyền, Bóng rổ; Cầu lông, Cờ vua, Golf, Yoga)	3	0,0	3,0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**35**	**35**	**0**		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			**4**	**0**	**4**		
Tổng số tín chỉ tiếng anh bổ trợ, tiếng anh 0			**3**	**3**	**0**		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			**6**	**6**	**0**		

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
3	KE92001	Nguyên lý kế toán	3	3,0	0,0	BB	
3	KE92064	Marketing căn bản	3	3,0	0,0	BB	
3	KE94098	Tài chính tiền tệ	3	3,0	0,0	BB	
3	KE94031	Quản trị học	3	3,0	0,0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3	3,0	0,0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2,0	0,0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2,0	0,0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3	3,0	0,0	PCBB	
3	QS01012	Công tác quốc phòng - an ninh	2	2,0	0,0	PCBB	
4	KT92104	Nguyên lý thống kê	3	3,0	0,0	BB	KT92025
4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2,0	0,0	BB	
4	KE94017	Kế toán tài chính	3	3,0	0,0	TC	KE92001
4	KE94107	Ngân hàng thương mại	3	3,0	0,0	BB	
4	KE94102	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3,0	0,0	BB	KE94098
4	KE94087	Marketing ngân hàng thương mại	3	3,0	0,0	TC	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3,0	0,0	BB	DN91034
4	QS01013	Quân sự chung	2	1,0	1,0	PCBB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT	4	0,0	4,0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**33**				
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu 3 TC)			**6**	**6**	**0**		
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			**11**	**6**	**5**		

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
5	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2,0	0,0	BB	XH91076
5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2,0	0,0	BB	
5	KE94112	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3,0	0,0	BB	KE94102
5	KE94008	Kế toán ngân hàng thương mại	3	3,0	0,0	BB	KE92001
5	KE94132	Kế toán chi phí	3	3,0	0,0	TC	KE92001
5	KE94114	Thanh toán điện tử	3	3,0	0,0	TC	
5	KE94374	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng I	4	0,0	4,0	BB	
6	KE94103	Thị trường chứng khoán	3	3,0	0,0	BB	KE94098
6	KE94117	Tín dụng ngân hàng	3	3,0	0,0	BB	KE94107
6	KE94111	Tài chính công	3	3,0	0,0	BB	
6	KE93128	Kế toán quản trị	3	3,0	0,0	BB	KE92001
6	KE94133	Hệ thống kiểm soát nội bộ	3	3,0	0,0	TC	KE92001
6	KE94109	Quản trị danh mục đầu tư	3	3,0	0,0	TC	KE94103

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
6	KE94384	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng II	4	0,0	4,0	BB	KE94374
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**30**	**22,0**	**8,0**		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu 6 TC)			**12**	**12**	**0**		

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Mã học phần tiên quyết
7	KE94115	Thanh toán quốc tế	3	3,0	0,0	BB	
7	KE94106	Định giá tài sản	3	3,0	0,0	BB	KE94098
7	KE94110	Tài chính cá nhân	3	3,0	0,0	BB	KE94098
7	KE94144	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3	3,0	0,0	BB	KE92001
7	KE94113	Tài chính vi mô	3	3,0	0,0	BB	
7	KE94051	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại	3	3,0	0,0	TC	
7	KE94101	Công nghệ tài chính	3	3,0	0,0	TC	
8	KE94495	Khoá luận tốt nghiệp Tài chính - Ngân hàng	10	0,0	10,0	BB	KE94384
8	KE94130	Chuẩn mực kế toán kiểm toán	3	0,0	0,0	Thay thế KLTN	KE94136
8	KE94118	Toán tài chính	4	0,0	0,0		
8	KE94105	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	0,0	0,0		KE94136
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			**25**	**15,0**	**10,0**		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu 6 TC)			**12**	**12**	**0**		

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

XH01001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws) (4 TC:4-0-12).

Nội dung: Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm: nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. . ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

KE91028: Khởi nghiệp và Văn hoá kinh doanh (Enterpreneurship and Business culture) (4TC: 4 - 0 –12).

Nội dung; Học phần này bao gồm 03 phần và 12 mô-đun. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 mô-đun): Giới thiệu chung về KN&VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; VHKD; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- Tiềm năng KN trong nông nghiệp (4 mô-đun): Khái quát các mô hình KN nông nghiệp trên thế giới; Xu hướng công nghệ và KN nông nghiệp trên thế giới; Thực trạng các mô hình KN nông nghiệp ở Việt Nam; Tiềm năng KN nông nghiệp ở Việt Nam. Phần 3- Một số mô hình KN nông nghiệp tiêu biểu. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 40%, thi: 50%.

KE91063: Thương mại và hội nhập quốc tế (Trade and international Integration). (3TC: 3-0-9).

Nội dung: Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hội nhập thương mại quốc tế; Hệ thống Thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Hội nhập tài chính quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Chế biến thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm

và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Speaking). (3TC: 3-0-9).

Nội dung: Học phần này gồm kiến thức Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người, Giao tiếp đại chúng, Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Thực hiện bài diễn thuyết. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 40%, thi: 50%.

TH91084. Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số. Information Technology and Digital Transformation. (4TC: 4 - 0 –12).

Nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

NH01008 - Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture) (4TC: 4 - 0-12).

Nội dung: học phần gồm 6 chương: (1)Vị trí,vai trò của nông nghiệp trong hệ sinh thái và sự phát triển của xã hội; (2) Các yếu tố tác động đến ngành nông nghiệp; (3) Mối quan hệ giữa các ngành trong nông nghiệp; (4)Những đặc trưng của nông nghiệp hiện đại; (5) Máy và thiết bị trong sản xuất nông nghiệp thông minh; (6) Một số mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại; ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

TM01007 Sinh thái và Môi trường (Ecology and Environment) (4TC: 4-0-12).

Nội dung: Học phần này gồm 2 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Ứng dụng sinh thái học trong nông nghiệp; (2) Tài nguyên & môi trường: Khái niệm về tài nguyên môi trường; Tài nguyên và môi trường không khí, nước, đất, rừng và sinh vật; Quản lý tài nguyên môi trường và phát triển

bền vững; Các mô hình quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với BĐKH; Quản lý môi trường trong thủy sản và trồng trọt. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

KT91043- Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic Organization and Management) (03: 03-0-09)

Nội dung: Kinh tế thị trường và tư duy kinh tế thị trường, tư duy kinh tế nông nghiệp; Tổ chức nguồn lực trong sản xuất kinh doanh và dịch vụ; Ra quyết định trong sản xuất kinh doanh; Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Tổ chức, điều hành và quản lý các nguồn lực, các quá trình sản xuất kinh doanh; Marketing sản phẩm và dịch vụ; Phân tích, đánh giá và cải thiện hiệu quả đầu tư kinh doanh. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

ML01021 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political economy of Marxism and Leninism) (2T – 2- 0 - 6).

Nội dung: Học phần này gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

ML01022 - Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism) (2T – 2- 0 - 6).

Nội dung: Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

XH09176. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Idcology) (2TC: 2 – 0 – 6).

Nội dung: học phần là tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-6).

Nội dung: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

XH91047. Triết học Mác-Lê Nin (Philosophy of Marxism and Leninism) (3TC: 3-0-9)

Nội dung: Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

DN91034 – Name: English 1 (Total credits 02; lecture: 02 - practice: 0-self-study: 06).

Brief description of the course: This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. ***Teaching methods:*** Lecturing method, Group-based learning, Role-play teaching, Teaching with MCQ, Teaching through discussion, Teaching with multi-media, Online teachin. ***Assessment method:*** Attendance and attitude: 10%, Midterm examination: 30%, Final examination: 60%.

DN91035 – Name: English 2 (Total credits 03; lecture: 03 - practice : 0 - self-study: 09).

Brief description of the course: This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking;

Reading; Listening/video; Writing. ***Teaching methods:*** Lecturing method, Group-based learning, Role-play teaching, Teaching with MCQ, Teaching through discussion, Teaching with multi-media, Online teachin. ***Assessment method:*** Attendance and attitude: 20%, Midterm examination: 30%, Final examination: 50%.

Tiếng Anh 0

Tiếng Anh bổ trợ

9.2. Các học phần cơ sở ngành

TH92029. Tên học phần: Cơ sở toán cho các nhà kinh tế (Basic Mathematics for Economists) ((3TC: 3-0-9)).

Nội dung: Học phần gồm 5 chương với các nội dung: Ma trận - Định thức - Hệ phương trình tuyến tính; Véc tơ; Phép tính vi phân hàm một biến và ứng dụng trong kinh tế; Phép tính vi phân hàm nhiều biến và ứng dụng trong kinh tế; Phép tính tích phân và ứng dụng trong kinh tế. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%.

KT02003. - Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics). (3TC: 3 - 0 - 9).

Nội dung: Học phần bao gồm những nguyên lý cơ bản của Kinh tế học, đó là 3 phần chính: (1) Những vấn đề chung về kinh tế học, (2) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (3) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô và các chính sách của chính phủ. . ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE92001 – Nguyên lý kế toán (Principes of acounting) (3TC: 3 – 0 – 9)

Nội dung: Học phần này gồm có 06 chương và gồm các nội dung: Những vấn đề chung của kế toán; Các nguyên tắc kế toán; Phương pháp chứng từ và kiểm kê; Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; Phương pháp tính giá; Báo cáo kế toán. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập kiểm tra số 1: 10%, bài kiểm tra số 2: 30%, thi: 50%

KE92064. Marketing căn bản (Basics of Marketing). (3TC: 3 – 0 - 9).

Nội dung: Học phần này gồm Tổng quan về marketing; Hệ thống thông tin và Môi trường marketing; Hành vi khách hàng; Thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm trên thị trường;

Sản phẩm trong marketing hỗn hợp; Giá trong marketing hỗn hợp; Phân phối trong marketing hỗn hợp; Xúc tiến trong marketing hỗn hợp. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 0%, thi: 60%

KE94098 - Tài chính tiền tệ (Fundamentals of Monetary and Finance). (3TC: 3 – 0 – 9)

Nội dung: Học phần này gồm 5 chương trình bày các vấn đề tổng quát về tiền tệ và tài chính; Hệ thống tài chính và thị trường tài chính; Thời giá tiền tệ và lãi suất; Cung cầu tiền tệ và lạm phát; Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 5%, kiểm tra giữa kỳ: 25% thi: 60%

KQ01211. Quản trị học (Principles of Management) (3-0-9).

Nội dung :Học phần gồm 7 chương liên quan đến: Những vấn đề cơ bản của quản trị; Nhà quản trị, nhà doanh nghiệp; Thông tin và quyết định quản trị; Chức năng hoạch định; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm tra. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KT92104. Nguyên lý thống kê (Principles of Statistics) (3TC: 3-0-9).

Nội dung: Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, ứng dụng kiến thức thống kê trong việc thu thập tài liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp; tổng hợp và trình bày dữ liệu; sử dụng thống kê suy luận để rút ra kết luận cho tổng thể; ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội; sử dụng phân tích tương quan trong kinh tế và xã hộ. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE93128 - Kế toán quản trị (Managerial Accounting). (3TC: 3-0-9; 135).

Nội dung: Những kiến thức chung về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí trong Kế toán quản trị; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Phân tích mối quan hệ chi phi-khối lượng-lợi nhuận; Thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định; Định giá sản phẩm và dịch vụ. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%. ***Học phần tiên quyết***: *Nguyên lý kế toán*

9.3. Các học phần chuyên sâu

KE94017. Kế toán tài chính (Financial Accounting). (3TC: 3-0-9).

Nội dung : Học phần được tập trung giới thiệu các nội dung và thực hành về: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu; Kế toán đầu tư tài chính; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm hoặc thảo luận: 10%, kiểm tra giữa kỳ: 30% thi cuối kỳ: 50%

KE94107 - Ngân hàng thương mại (Commercial banks) (03TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm: Tổng quan về NHTM, Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn của NHTM, Tài sản và quản lý tài sản của NHTM; Các nghiệp vụ tín dụng; Quy trình, phân tích và chính sách tín dụng trong ngân hàng. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94102 - Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1) (03TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm nội dung sau: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp; Quyết định đầu tư của doanh nghiệp; Quyết định huy động vốn của doanh nghiệp; Hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94087. Marketing ngân hàng thương mại (Marketing of Commercial bank). (03 TC: 3 - 0 - 9).

Nội dung: Học phần này gồm Tổng quan về Marketing ngân hàng thương mại; Nghiên cứu thị trường và môi trường marketing ngân hàng thương mại; Hành vi tiêu dùng của khách hàng; Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm của ngân hàng thương mại; Một số quyết định về sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thương mại; Một số quyết định về giá cả sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thương mại; Chiến lược phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thương mại; và Chiến lược xúc tiến – truyền thông sản phẩm, dịch vụ ngân hàng thương mại. ***Phương pháp giảng dạy***: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

Mã KE94112 - Tên học phần Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2) (2TC: 2 – 1 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm nội dung sau: Báo cáo tài chính và các hệ số tài chính; Quyết định phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp; Quản trị vốn của doanh nghiệp; Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, thực hành 30%, thi: 60%

KE94008 - Kế toán ngân hàng thương mại (Commercial Bank Accounting) (3TC: 3 - 0 – 9)

Nội dung: Học phần gồm các nội dung: Tổng quan về chế độ kế toán ngân hàng (ngân hàng thương mại); Kế toán nghiệp vụ nhận tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá; Kế toán nghiệp vụ cho vay; Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ; Kế toán nghiệp vụ thanh toán; Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 10%, kiểm tra giữa kỳ: 30%, thi cuối kỳ: 50%

KE94132 - Kế toán chi phí (Cost Accounting). (3TC: 2 – 1 - 9).

Nội dung: Học phần Kế toán chi phí cung cấp cho sinh viên Những kiến thức chung về kế toán chi phí; Phân loại chi phí và giá thành sản phẩm; Hệ thống kế toán chi phí theo công việc; Hệ thống kế toán chi phí theo quá trình; Hệ thống kế toán chi phí theo hoạt động. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập 20%, thực hành: 20%, thi cuối kỳ: 50%

KE94117 – Thanh toán điện tử (E-payment) (3TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm: Tổng quan về thương mại điện tử, Tiền tệ và các phương tiện thanh toán của tiền tệ, Khái niệm thanh toán điện tử và hệ thống thanh toán điện tử, Các phương tiện thanh toán điện tử, Quy trình thanh toán điện tử, An ninh trong thanh toán điện tử. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94374 - Tên học phần Thực tập nghề nghiệp 1 (Intership course Finance - Banking I) (4TC: 0-4-12).

Nội dung: Học phần này gồm: Xây dựng kế hoạch thực tập; Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng; Cơ cấu tổ chức; Thực trạng các nguồn lực; Kết quả (sản xuất) kinh doanh và phương hướng phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. Viết báo cáo và trình bày. ***Phương pháp giảng dạy*:** Làm việc nhóm, Tham quan thực tế: giảng viên và sinh viên , Làm việc tại các tổ

chức trong thực tế, Có sự hướng dẫn của giảng viên, E- learning. ***Phương pháp đánh giá:*** Đánh giá quá trình thực tấp:10%, đánh giá thuyết trình: 60%, đánh giá làm việc nhóm: 20%, đánh giá của đơn vị thực tập: 10%

KE94103 – Thị trường chứng khoán (Stock Market) (3TC: 3-0-9).

Nội dung: Học phần này gồm các nội dung: Đại cương về thị trường chứng khoán; Chứng khoán và Định giá chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Công ty chứng khoán và qũy đầu tư chứng khoán; Đầu tư chứng khoán và phân tích chứng khoán. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94117 – Tín dụng ngân hàng (Bank Credit) (3TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm 5 chương: Tổng quan về tín dụng và tín dụng ngân hàng; Phân tích tín dụng và đánh giá chất lượng tín dụng; Cho vay ngắn hạn doanh nghiệp; Cho vay trung và dài hạn của ngân hàng thương mại; Cho vay tiêu dùng. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94111 – Tài chính công (Public Finance) (3TC: 3 – 0 – 9).

***Nội dung*:** Học phần nhằm cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về tài chính công, vai trò của tài chính công và vận dụng các lý thuyết liên quan đến tài chính công trong nền kinh tế. Học phần này gồm 4 chương: Tổng quan về tài chính công và quản lý tài chính công; Chi tiêu công; Nguồn tài trợ công; Bù đắp thâm hụt NSNN. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94133. Hệ thống kiểm soát nội bộ (Internal Control Systems). (3TC: 3-0-9):

***Nội dung* :** Giới thiệu về HTKSNB; Các yếu tố cấu thành HTKSNB; Thiết lập HTKSNB; Hoạt động của HTKSNB trong doanh nghiệp; Đánh giá và hoàn thiện HTKSNB. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập 10%, thảo luận: 10%, kiểm tra giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 50%

KE94109 Quản trị danh mục đầu tư (Porfolio Management) ((3TC: 3-0-9; 135)

Nội dung: Tổng quát về quản trị danh mục đầu tư; Rủi ro và tỷ suất sinh lời; Quản trị danh mục đầu tư trái phiếu; Quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu; Đánh giá danh mục đầu tư.

Phương pháp giảng dạy: thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%. ***Học phần tiên quyết:*** Thị trường chứng khoán

KE94384 - Tên học phần Thực tập nghề nghiệp 2 (Intership course Finance - Banking I) (4TC: 0-4-12).

Nội dung: Học phần này gồm: Xây dựng kế hoạch thực tập; Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng; Tìm hiểu quy trình và thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngân hàng; Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thông qua các chỉ tiêu tài chính cơ bản; Xác định vấn đề công ty, ngân hàng đang gặp phải (tập trung các vấn đề về marketing, kế toán, tài chính, quản trị) và đề xuất giải pháp). ***Phương pháp giảng dạy:*** Làm việc nhóm, Tham quan thực tế: giảng viên và sinh viên , Làm việc tại các tổ chức trong thực tế, Có sự hướng dẫn của giảng viên, E- learning. ***Phương pháp đánh giá:*** Đánh giá quá trình thực tấp:10%, đánh giá thuyết trình: 60%, đánh giá làm việc nhóm: 20%, đánh giá của đơn vị thực tập: 10%

KE94115. Thanh toán quốc tế (International Payment). (3TC: 3-0-9).

Nội dung: Tổng quan về thanh toán quốc tế; Tỷ giá hối đoái; Chứng từ thương mại, Chứng từ tài chính; Phương thức thanh toán. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE49106 – Định giá tài sản (Asset Valuation) (3TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung: Học phần này gồm 03 chương: Tổng quan về định giá, tập trung vào việc xác định mục đích định giá, các loại giá, các nguyên tắc, các phương pháp trong định giá; Định giá tài sản phi tài chính, tập trung vào các nguyên tắc và phương pháp định giá đối với máy móc thiết bị, bất động sản và tài sản vô hình; Định giá doanh nghiệp, chủ yếu giới thiệu các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp được áp dụng phổ biến hiện nay. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94110. Tài chính cá nhân (Personal Finance). (03TC : 2,5 – 0,5 – 9).

Nội dung: Tổng quát về tài chính cá nhân; Hoạch định nghề nghiệp và thu nhập; Quản lý dòng tiền chi tiêu; Đầu tư tài chính; Bảo hiểm và các công cụ quản lý rủi ro tài chính cá nhân. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá:*** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94144: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo (Audit and Assurance) (03TC: 03-0-06)

***Nội dung*:** Học phần kiểm toán và dịch vụ đảm bảo trang bị cho sinh viên: Các khái niệm chung về dịch vụ đảm bảo; Khái niệm và phân loại kiểm toán; Các vấn đề cơ bản trong kiểm toán và dịch đảm bảo; Quy trình thực hiện dịch vụ đảm bảo. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập hoặc thảo luận: 10%, kiểm tra giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 50%

KE94098. - Tài chính vi mô (Micro Finance). (3TC: 3 - 0 – 9).

Nội dung: Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm 5 chương trình bày các vấn đề về tổng quan tài chính vi mô, hoạt động cho vay, huy động vốn và hỗ trợ của tổ chức tài chính vi mô cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

KE94101 – Công nghệ tài chính (FinTech). (3TC: 3 – 0 – 9).

Nội dung : Khái quát về FinTech, Ứng dụng của FinTech trong thị trường tài chính, Các yếu tố công nghệ căn bản trong FinTech, Ứng dụng của Fintech trong môi trường kinh doanh. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm 30%, thi: 60%

Mã KE94051 – Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại (Commercial Bank Risk Management) (3TC: 3-0-9)

Nội dung:: Vấn đề chung về quản trị rủi ro ngân hàng thương mại; Nhận diện rủi ro; Đo lường rủi ro; Rủi ro tín dụng; Rủi ro lãi suất; Rủi ro thanh khoản; Rủi ro tỷ giá hối đoái; Chiến lược rủi ro. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ 40%, thi: 50%

KE94995: Khóa luận tốt nghiệp Ngành Tài chính Ngân hàng (Thesis) (10TC: 0-10-30).

Nội dung: Học phần này gồm: Xác định vấn đề nghiên cứu; Đề cương sơ bộ; Đề cương chi tiết; Thu thập thông tin; Tổng hợp và xử lý thông tin; Phân tích thông tin; Viết khóa luận tốt nghiệp; Hoàn thiện và trình bày khóa luận tốt nghiệp. ***Phương pháp giảng dạy*:** Làm việc nhóm, Tham quan thực tế: giảng viên và sinh viên , Làm việc tại các tổ chức trong thực tế, Có sự hướng dẫn của giảng viên, E- learning. ***Phương pháp đánh giá:*** Đánh

giá của giáo viên hướng dẫn:20%, Đánh giá của giáo viên phản biện: 20%, Đánh giá của các Thành viên trong Hội đồng tốt nghiệp: 60%

KE94130: Chuẩn mực kế toán kiểm toán (Accounting - Auditing Standards) (3TC: 3-0-9)

Nội dung: Học phần cung cấp các nội dung khái quát về hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán; Hệ thống chuẩn mực kế toán VIệt Nam; Hệ thống chuẩn mức kiểm toán Việt Nam; Hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế. ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập hoặc thảo luận nhóm 20%, kiểm tra giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 50%.

KE94118: Toán tài chính (Financial Mathematics) (4TC: 4-0-12).

Nội dung: Học phần cung cấp các nội dung về: Lãi suất; Tài khoản vãng lai; Chiết khấu thương phiếu; Chuỗi tiền tệ; Vay thông thường; Ứng dụng toán tài chính. ***Phương pháp giảng dạy:*** thuyết trình của giảng viên, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, bài tập nhóm và thảo luận. ***Phương pháp đánh giá***: Tham gia: 10%, Điểm quá trình/Điểm giữa kỳ: 30%, Thi cuối kỳ: 60%.

KE94105: Phân tích tài chính doanh nghiệp (Corporate financial Analysis) (3TC: 3-0-9)

Nội dung: Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu phân tích tài chính doanh nghiệp; Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp; Thực hành phân tích tài chính doanh nghiệp. . ***Phương pháp giảng dạy*:** thuyết trình của giảng viên, thực hành tại lớp, thực hành ở nhà, bài tập nhóm và thảo luận, seminar, thuyết trình. ***Phương pháp đánh giá*:** Tham gia: 10%, bài tập hoặc thảo luận nhóm 10%, kiểm tra giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 60%. ***Học phần học trước:*** Nguyên lý kiểm toán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Đỗ Quang Giám

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy tính	21	-	Máy tính để bàn, máy chiếu, hệ thống âm thanh	727	Tin học, ngoại ngữ, CNTT và các học phần chuyên biệt và chuyên môn của các ngành (Kinh tế lượng, đầu tư, chứng khoán, đấu thầu, kế hoạch…)
2	Phòng học tại giảng đường A	11	590	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	11	Giảng dạy lý thuyết
3	Phòng học tại giảng đường B	18	1.398	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	18	Giảng dạy lý thuyết
4	Phòng học tại giảng đường C	12	747	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	12	Giảng dạy lý thuyết
5	Phòng học tại giảng đường CĐ	05	473	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	05	Giảng dạy lý thuyết
6	Phòng học tại giảng đường E	19	1.463	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	19	Giảng dạy lý thuyết
7	Phòng học tại giảng đường NĐ	31	4.191	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	31	Giảng dạy lý thuyết
8	Phòng học tại giảng đường QS	06	813	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	06	Giảng dạy lý thuyết
9	Phòng học tại giảng đường WB	66	6.362	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	66	Giảng dạy lý thuyết

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	34.306	Máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, trang thiết bị chuyên dụng, bàn ghế.	-	Học tập các môn học tập trung, chuyên biệt
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3.955	Máy tính, máy chiếu, tư liệu học tập cứng và mềm, trang thiết bị chuyên dụng, bàn ghế	-	Nghiên cứu, tự học các môn học
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	36.736	Máy tính, máy chiếu, tư liệu học tập cứng và mềm, trang thiết bị chuyên dụng, bàn ghế	-	Học tập các môn học chuyên biệt
	TỔNG	74.997			

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

TT	Mã Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Nguyễn Văn Song và cộng sự	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022
2	KE92001	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Thị Thuỷ và cộng sự	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022
3	KT92025	Giáo trình kinh tế vĩ mô 1	Lương Thị Dân và cộng sự	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2022
4	KT92025	Principles of economics : Supplement.	Mankiw, N. Gregory	Cengage Learning	2024
5	KE92001	Bài tập nguyên lý kế toán	Nguyễn Thị Thủy và cộng sự	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2021
6	KE94031	Quản trị học	Trần Anh Tài	NXB đại học quốc gia Hà Nội	2017
7	KE94098	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ	Nguyễn Văn Tiến	Nhà xuất bản Tài chính	2024
8	KE94098	Kinh Tế Học Về Tiền, Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính	Frederic S. Mishkin	NXB Lao động	2021
9	KE94098	Tiền Tệ, Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính - Dành Cho Nhà Tài Chính - Ngân Hàng	Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Kim Anh, Nguyễn Đức Hưởng	Nhà xuất bản Tài chính	2023
10	KE94107	Giáo trình ngân hàng thương mại	Phan Thị Thu Hà	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2023
11	KE94102	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2023
12	KE94102	Corporate Finance	Michael C. Ehrhardt, Eugene F. Brigham	Cengage Learning Asia	2024
13	KE94115	Giáo trình thanh toán quốc tế	Hà Văn Hội	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2021
14	KE94115	Giáo trình thanh toán quốc tế & tài trợ ngoại thương	Nguyễn Văn Tiến	NXB Đại học KTQD	2021
15	KE94115	Tín dụng và Thanh toán thương mại quốc tế	Trần Văn Hoè	NXB Đại học KTQD	2023
16	KE94117	Giáo trình Tín dụng ngân hàng	Tô Ngọc Hưng	NXB Lao động	2022

17	KE94144	Những vấn đề cơ bản trong kiểm toán	Ngô Thị Thu Hằng và cộng sự	Nhà xuất bạn Học viên Nông nghiệp Việt Nam.	2019
18	KE94111	Giáo trình Tài chính công	Nguyễn Văn Hiệu, Trần Thị Vân Anh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2021
19	KE94111	Giáo trình thuế	Khúc Đình Nam, Nguyễn Thị Bình Minh, Nguyễn Tấn Anh	NXB Tài chính	2020
20	KE94111	Giáo trình thuế	Lê Thị Diệu Huyền, Bùi Thị Mến	NXB Lao động	2022
21	KE94101	The Fintech Book - Công Nghệ Tài Chính Dành Cho Người Nhìn Xa Trông Rộng	Susanne Chrishti, Janos Barberis	NXB Thông Tin Và Truyền Thông	2021
22	KE94101	The Future of Finance: The Impact of FinTech, AI, and Crypto on Financial Services	Henri Arslanian and Fabrice Fischer	Palgrave Macmillan	2019
23	KE94101	FinTech For Dummies	Steven O'Hanlon, Susanne Chishti	For Dummies	2020
24	KE94046	Giáo trình tâm lý học quản lý	Bùi Thị Nga, Nguyễn Công Tiệp	NXB Học viện Nông nghiệp	2020
25	KE94036	Phương pháp nghiên cứu trong Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hải Núi và cộng sự	NXB Học viện Nông nghiệp	2023
26	KE94103	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thanh Phương	Nhà xuất bản Lao động xã hội	2023
27	KE94103	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Nguyễn Văn Tiến, GS.TS. Nguyễn Minh Hà	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2022
28	KE94109	Giáo trình quản lý danh mục đầu tư.	Hoàng Văn Quỳnh và Cao Minh Tiến	Nhà xuất bản tài chính	2017
29	KE94110	Giáo trình tài chính cá nhân	Đỗ Hoài Linh, Lê Thanh Tâm, Khúc Thế Anh..	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội	2023
30	KE94110	The Science of Money: How to Increase Your Income and Become Wealthy.	Brian Tracy, Dan Strutzel	Gildan Press	2017
31	KE94110	Personal finance	E. Thomas Garman, Raymond E. Forgue	Cengage Learning	2018

32	KE94096	Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp	Đặng Thị Việt Đức & Vũ Quang Kết	NXB Thông Tin Và truyền Thông	2023
33	KE94096	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2023
34	KE94137	Tài Chính Doanh Nghiệp – Corporate Finance	Stephen Ross	NXB TP Hồ Chí Minh	2022
35	KE94074	Giáo trình Quản trị marketing	Nguyễn Văn Đính	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2016
36	KE94074	Truyền thông marketing tích hợp	Trần Thị Thập	NXB Thông tin và Truyền thông	2015
37	KE94038	Giáo trình Quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2018
38	KE94081	Giáo trình quản lý chất lượng sản phẩm	Trần Thị Thu Hương và cộng sự	NXB Học viện Nông nghiệp	2024
39	KE94081	Quản lý chất lượng thực phẩm	Đống Thị Anh Đào	NXB Đại học Quốc gia – TP Hồ Chí Minh	2016
40	KE94029	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Quốc Chỉnh, Phạm Thị Hương Dịu	NXB Học viện Nông nghiệp	2023
41	KE94106	Ứng dụng Phân tích báo cáo tài chính và định giá doanh nghiệp trong thực tiễn	Lý Lâm Duy	Nhà xuất bản Thái Hà	2024
42	KE94106	Giáo trình Định giá tài sản	Nguyễn Minh Hoàng	Nhà xuất bản Tài chính	2018
43	KE94113	Quản trị tổ chức tài chính vi mô	PGS,TS. Lê Thanh Tâm, ThS Dương Thị Ngọc Linh	Đại học kinh tế quốc dân	2018
44	KE94113	Tài chính vi mô: Hoạt động và mô hình định lượng	TS. Hà Văn Dương	NXB Kinh tế TP HCM	2020
45	KE94113	Tài chính vi mô: Phát triển - Hiệu quả - Bền vững	TS. Hà Văn Dương	NXB Kinh tế TP HCM	2020
46	KE94115	Giáo trình Thanh toán điện tử	Nguyễn Trần Hưng	NXB Hà Nội	2022
47	KE94117	Giáo trình Ngân hàng thương mại	PGS.TS Phan Thị Thu Hà	ĐH Kinh tế quốc dân	2023

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã	Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
				Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	XH91001	Pháp luật đại cương	Pháp luật - Khoa Khoa học xã hội	Vũ Văn Tuấn	1972	Tiến sỹ	Việt Nam
2	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh	Quản trị kinh doanh - Khoa Kế toán và QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	1978	Tiến sỹ	Úc
				Lê Thị Kim Oanh	1978	Tiến sỹ	Bỉ
				Nguyễn Thị Kim Oanh	1987	Tiến sỹ	Nhật Bản
				Đồng Đạo Dũng	1984	Tiến sỹ	Nhật Bản
3	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	Toán - Koa Công nghệ thông tin	Vũ Thị Thu Giang	1985	Tiến sỹ	Việt Nam
4	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Marketing - Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thu Hương	1979	Tiến sỹ	Đức
5	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Sư phạm công nghệ - Khoa Du lịch và Ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	1975	GVC.ThS	Việt Nam
6	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	Khoa Du lịch và Ngoại ngữ				
7	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	Trung tâm giáo dục thể chất	Nguyễn Xuân Cừ		Thạc sĩ	Việt Nam
8	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Kinh tế - Khoa Kinh tế và PTNT	Nguyễn Minh Đức	1978	Tiến sỹ	
9	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Mạng và hệ thống thông tin - Khoa CNTT	Phạm Quang Dũng	1980	Tiến sỹ	Romania
10	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Khoa Nông học - Chăn nuôi - Công nghệ sinh học - Cơ điện	Ninh Thị Phíp	1971	PGS.TS	Nhật Bản
				Trần Thị Thiêm	1980	TS	Nhật Bản
				Hà Xuân Bộ	1981	PGS.TS	Việt Nam
				Hoàng Xuân Anh	1974	GVC.ThS	

				Đinh Trường Sơn	1977	PGS.TS	Đức
11	TM91012	Sinh thái và môi trường	Sinh thái nông nghiệp - Khoa Tài nguyên và Môi trường	Ngô Thế Ân	1972	PGS.TS	Anh
12	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Triết học - Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng		TS	
13	DN91039	Tiếng Anh 0					
14	KN01002, KN01003, KN01004, KN01005, KN01006, KN01008, KN01009, KN01010	Kỹ năng mềm	Trung tâm đào tạo kỹ năng mềm	Đặng Thị Vân		TS	
15	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất	Trung tâm Giáo dục thể chất	Trần Văn Hậu Đào Quang Trung Phạm Quốc Đạt Phạm Thị Điều Lương Thanh Hoa		Thạc sĩ	Việt Nam
16	KE92001	Nguyên lý kế toán	Kế toán - Khoa Kế toán và QTKD	Lê Thị Minh Châu	1974	TS	Bỉ
				Nguyễn Thị Thủy	1978	TS	Nhật Bản
17	KE92064	Marketing căn bản	Marketing - Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thu Hương	1979	TS	Đức
18	KE94098	Tài chính tiền tệ	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
19	KE94031	Quản trị học	Quản trị kinh doanh - Khoa Kế toán và QTKD	Lê Thị Thu Hương	1987	TS	Nhật Bản
20	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Kinh tế Nông nghiệp & Chính sách - Khoa Kinh tế và PTNT	Lưu Văn Duy	1985	TS	Nhật Bản
				Đỗ Kim Chung	1956	GS.TS	Việt Nam
				Nguyễn Phượng Lê	1974	PGS.TS	Thái Lan
				Nguyễn Hữu Nhuần	1977	TS	Úc

21	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Kinh tế chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Khoa Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	1972	Thạc sĩ	Việt Nam
22	DN91034	Tiếng Anh 1	Tiếng anh cơ bản - Khoa du lịch và ngoại ngữ	Nguyễn Thị Hường		Thạc sĩ	
23	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	Khoa Giáo dục quốc phòng	Đào Xuân Trưởng		Cử nhân quân sự	Việt Nam
24	QS01012	Công tác quốc phòng - an ninh	Khoa Giáo dục quốc phòng	Trịnh Hùng Sơn		Thạc sĩ quân sự	Việt Nam
25	KT92104	Nguyên lý thống kê	Phân tích định lượng - Khoa Kinh tế và PTNT	Phạm Văn Hùng	1963	PGS.TS	
26	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Kinh tế chính trị - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Khoa Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn		Thạc sĩ	Việt Nam
27	KE94017	Kế toán tài chính	Kế toán - Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thương	1989	TS	Nhật Bản
28	KE94107	Ngân hàng thương mại	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
29	KE94102	Tài chính doanh nghiệp 1	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
30	KE94087	Marketing ngân hàng thương mại	Marketing - Khoa Kế toán và QTKD	Vũ Thị Hằng Nga	1988	TS	Việt Nam
31	DN91035	Tiếng Anh 2	Tiếng anh cơ bản - Khoa du lịch và ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu		Thạc sĩ	
32	QS01013	Quân sự chung	Khoa Giáo dục quốc phòng	Phạm Quyết Sơn		Cử nhân quân sự	Việt Nam
33	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT	Khoa Giáo dục quốc phòng				
34	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa học chính trị - Khoa Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh		TS	Việt Nam
35	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa học chính trị - Khoa Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh		TS	Việt Nam
36	KE94112	Tài chính doanh nghiệp 2	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức

37	KE94008	Kế toán ngân hàng thương mại	Kế toán - Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thương	1988	TS	Nhật Bản
38	KE94132	Kế toán chi phí	Kế toán quản trị và kiểm toán - Khoa Kế toán và QTKD	Đỗ Quang Giám	1972	PGS.TS	Thái Lan
39	KE94114	Thanh toán điện tử	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
40	KE94374	Thực tập nghề nghiệp 1	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
41	KE94103	Thị trường chứng khoán	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
42	KE94117	Tín dụng ngân hàng	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
43	KE94111	Tài chính công	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Bùi Thị Lâm	1985	TS	Bỉ
44	KE93128	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị và kiểm toán - Khoa Kế toán và QTKD	Đỗ Quang Giám	1972	PGS.TS	Thái Lan
45	KE94133	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Kế toán quản trị và kiểm toán - Khoa Kế toán và QTKD	Trần Quang Trung	1974	PGS.TS	Nhật Bản
46	KE94109	Quản trị danh mục đầu tư	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Bùi Thị Lâm	1985	TS	Bỉ
47	KE94384	Thực tập nghề nghiệp 2	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
48	KE94115	Thanh toán quốc tế	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
49	KE94106	Định giá tài sản	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Lê Thị Thanh Hảo	1982	TS	Việt Nam
50	KE94110	Tài chính cá nhân	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Bùi Thị Lâm	1985	TS	Bỉ
51	KE94144	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	Kế toán quản trị và kiểm toán - Khoa Kế toán và QTKD	Lê Thanh Hà	1989	TS	Việt Nam
52	KE94113	Tài chính vi mô	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
53	KE94051	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại	Quản trị kinh doanh - Khoa Kế toán và QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	1978	TS	Đức
54	KE94101	Công nghệ tài chính	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức
55	KE94495	Khoá luận tốt nghiệp	Tài chính - Khoa Kế toán và QTKD	Nguyễn Duy Linh	1976	TS	Đức

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MT	Mục tiêu CTĐT	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung		Kỹ năng chuyên môn		Tự chủ và trách nhiệm	
		CĐR 1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực TC-NH	CĐR2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán, kiểm toán và marketing để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực TC-NH	CĐR 3. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng trong công tác quản lý và thực hiện tốt các nghiệp vụ của các cơ quan, tổ chức liên quan tới tài chính ngân hàng trong và ngoài nước.	CĐR4. Đề xuất giải pháp phục vụ cho việc ra quyết định của các bên liên quan.	CĐR 5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực TC-NH	CĐR 6: Làm việc nhóm và làm việc độc lập hiệu quả, thể hiện năng lực lãnh đạo nhóm.	CĐR 7: Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phục vụ viết, trình bày báo cáo và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	CĐR 8: Xử lý các nghiệp vụ chuyên môn, các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định.	CĐR 9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	CĐR 10: Chủ động, có trách nhiệm trong công việc được giao, tuân thủ pháp luật và các quy tắc, đạo đức nghề nghiệp.
MT1	Đề xuất các giải pháp sáng tạo để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn trong công việc hàng ngày thông qua việc nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực TC-NH	X	X	X	X			X	X	X	X
MT2	Có tinh thần khởi nghiệp; tiếp tục theo đuổi học tập nâng cao trình độ chuyên môn trở thành nhà quản lí, nhà lãnh đạo hoặc chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức liên quan tới TC-NH trong và ngoài nước.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
MT3	Tuân thủ pháp luật, có tinh thần trách nhiệm đối với nghề nghiệp và xã hội				X			X	X	X	X

PHỤ LỤC 5

ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

STT	Chuẩn đầu ra ngành Tài chính - Ngân hàng	Chuẩn đầu ra các chương trình tham khảo			
		Tên CTĐT: Tài chính Ngân hàng **Trường: Đại học Kinh tế quốc dân** **Nước: Việt Nam** **Website: https://dec.neu.edu.vn/**	**Tên CTĐT: Tài chính - ngân hàng** **Trường: Học viện Tài chính** **Nước: Việt Nam** **Website: https://hvtc.edu.vn/**	**Tên CTĐT: Banking and finance** **Asia pacific university of technology and innovation** **Nước: Malaysia** **Website: https://www.apu.edu.my/**	**Tên CTĐT: Banking and finance** **University of Leicester** **Nước: Vương Quốc Anh** **Website: https://le.ac.uk/**
1	**Kiến thức**				
1.1	***Kiến thức chung toàn Học viện/kiến thức đại cương***				
	CĐR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh	Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống	Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết những vấn đề lý luận, thực tiễn nghề nghiệp	Sinh viên sẽ được học các kỹ năng cơ bản về ngân hàng và tài chính cần có, cũng như hiểu biết cơ bản về quản lý kinh doanh và tài chính.	Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô, vĩ mô, toán kinh tế vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng

	vực tài chính, ngân hàng.		và cuộc sống. Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành tài chính ngân hàng		
		Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành			
	CĐR2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán và marketing để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Kiến thức chung về lĩnh vực tài chính ngân hàng, kiến thức pháp luật về hoạt động tài chính ngân hàng	Giải thích được các hiện tượng, nguyên lý nền tảng của kinh tế và kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	Nền tảng về các khái niệm ngân hàng và tài chính, cũng như kiến thức và kỹ năng cho phép ứng dụng thực tế tại nơi làm việc hiện đại.	Sinh viên sẽ được học các chủ đề bao gồm ngân hàng, trung gian tài chính, quản lý tài sản và nợ phải trả, ra quyết định tài chính và thị trường và định chế tài chính.
1.2	**Kiến thức chuyên môn**				
	CĐR 3. Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng trong công tác quản lý và thực hiện tốt các nghiệp vụ của	Hiểu, nắm vững và vận dụng kiến thức về các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng; nghiệp vụ tạo lập vốn, cấp tín	Hiểu, vận dụng và phân tích được kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp: Chi phí, doanh thu, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận; rủi ro và tỷ suất sinh lời; đầu	Cung cấp các công cụ ngân hàng, quy trình, quản lý tín dụng cũng như môi trường hệ thống tài chính nói chung. Ngoài ra, được giới thiệu về công cụ thị	Làm quen với các kỹ thuật như định giá phái sinh, phương pháp quản lý rủi ro và quản lý danh mục đầu tư, đồng thời sử dụng thành thạo phần mềm

	các cơ quan, tổ chức liên quan tới tài chính ngân hàng trong và ngoài nước.	dụng, thanh toán trong nước và quốc tế, kinh doanh ngoại hối, các dịch vụ ngân hàng điện tử và các nghiệp vụ khác. Tổ chức hạch toán kế toán của các NHTM và các TCTD. Hiểu, nắm vững kiến thức về các hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, về quản lý nhà nước và hoạch định, điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước; lạm phát, lãi suất, tỷ giá…	tư dài hạn và định giá tài sản; vốn kinh doanh của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp; thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương; tài chính công ty đa quốc gia. Phân tích và đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp.	trường tài chính khác nhau thông qua phần mềm Kinh tế lượng.	tài chính và các nguồn dữ liệu phức tạp, giúp hiểu rõ hơn về tác động và phạm vi của các quyết định kinh tế.
	CĐR 4. Đề xuất giải pháp phục vụ cho việc ra quyết định của các bên liên quan.	Có kỹ năng thực hiện chính xác các thao tác nghiệp vụ trong quản trị tài chính doanh nghiệp, trong hoạt động kinh doanh của NHTM, của các TCTD, nghiệp vụ quản lý tiền tê tín dụng ngân hàng của NHNN.	Có kỹ năng lập luận, nghiên cứu, tính toán và phân tích dữ liệu tham gia hoạch định chính sách tài chính của doanh nghiệp, kỹ năng quản trị ngân hàng thương mại và các TCTD (Lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát đánh giá hoạt động kinh doanh của NHTM và các TCTD).	Kiến thức về FinTech và kỹ năng kỹ thuật liên quan đến Ngành Ngân hàng và Tài chính.	Áp dụng lý thuyết kinh tế vào bối cảnh tài chính, ví dụ như đánh giá các cơ hội đầu tư cạnh tranh và cách chính sách của chính phủ ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và lĩnh vực ngân hàng.

2	**Kỹ Năng chung**				
	CĐR 5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Có khả năng thu hút, thuyết phục đối tác trong giao tiếp để đạt mục tiêu đặt ra; có năng lực tiếp thu, phân tích, tổng hợp ý kiến và có khả năng thuyết trình mạch lạc, có hệ thống.	Có kỹ năng cơ bản trong giao tiếp bằng văn bản,qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, có chiến lược giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn	Hướng dẫn các kỹ năng kinh doanh và giao tiếp, kỹ năng kế toán và kỹ năng quản lý.	Giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới chuyên môn rộng lớn
	CĐR 6: Làm việc nhóm hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Có khả năng tham gia tổ chức, quản lý, điều hành và biết cách phối hợp làm việc theo nhóm	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	Có kỹ năng kinh doanh và giao tiếp, kỹ năng kế toán và kỹ năng quản lý.	Hỗ quá trình khởi nghiệp của sinh viên khởi đầu thuận lợi
	Kỹ năng chuyên môn				
	CĐR 7: Thu thập, xử lý và phân tích thông tin phục vụ viết, trình bày báo cáo và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	Thực hiện thành thạo việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	Kỹ năng thu thập xử lý và phát triển các sản phẩm trong Ngành Ngân hàng và Tài chính	Sử dụng thành thạo phần mềm tài chính và các nguồn dữ liệu phức tạp

	CĐR 8: Xử lý các nghiệp vụ chuyên môn, các tình huống phát sinh trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định..	Kỹ năng đưa ra được kết luận về các vấn về nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về Tài chính - Ngân hàng, xã hội, kinh doanh;	Có khả năng phát hiện, đánh giá, phân tích và xử lý vấn đề một cách kịp thời; có khả năng đổi mới, sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi trong môi trường hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp hoặc của ngân hàng và các TCTD.	Cơ hội phát triển thành những nhà quản lý có năng lực cao, có trình độ chuyên môn cao không chỉ trong Ngành Ngân hàng và Tài chính mà còn trong các lĩnh vực chuyên môn khác cần thiết cho hoạt động quản lý và quản trị kinh doanh.	Sinh viên sẽ học các kỹ năng cơ bản mà mọi chuyên gia ngân hàng và tài chính cần có, cũng như hiểu biết cơ bản về quản lý kinh doanh và tài chính
	Tự chủ và trách nhiệm				
	CĐR 9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Có năng lực chủ động lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; tự học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và học tập suốt đời;	Sinh viên chủ động tìm hiểu về khía cạnh thực tiễn của các hoạt động và lý thuyết ngân hàng cũng như sự phát triển của các lý thuyết đầu tư và ngân hàng quốc tế trong các hoạt động ngân hàng toàn cầu	Kích thích, khuyến khích sinh viên phát triển các kỹ năng học tập và tích cực tham gia vào quá trình học tập của mình.
	CĐR 10: Chủ động, có trách nhiệm trong công việc được giao, tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn tài chính ngân hàng	trau dồi phẩm chất đạo đức, tác phong của một cán bộ tài chính, ngân hàng; có ý thức trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết và tự tin với nghề nghiệp, với công việc được giao.	Sinh viên chủ động mở rộng các kỹ năng và chuyên môn để trở thành một nhân viên toàn diện hơn.	Chủ động, nâng cao kỹ năng chuyên môn

PHỤ LỤC 6

MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Kiến thức chung						Kiến thức chuyên môn					Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn				Tự chủ và trách nhiệm			
			CĐR 1			CĐR2			CĐR 3		CĐR4			CĐR 5			CĐR 6		CĐR 7		CĐR 8		CĐR 9		CĐR 10	
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	9.1	9.2	10.1	10.2
1	XH91001	Pháp luật đại cương		P	I									I	I								I			
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh		P	P									P	I								I	M		
1	TH92029	Cơ sở toán cho các nhà kinh tế	I			I									P					P						
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế		P	P									P	I								I			
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng		P										P	I								I			
		HẾT HỌC KỲ 1																								
2	KT92025	Nguyên lý kinh tế	P			P													I						P	
2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	I		P									I	P								I			
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	I	I	P										I								I			
2	TM91012	Sinh thái và môi trường	I	I	I										I								I			
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin		I										I									I			
		HẾT HỌC KỲ 2																								
3	KE94031	Quản trị học					I						I				I	I							I	
3	KE92001	Nguyên lý kế toán						P									I		I							I
3	KE92064	Marketing căn bản						I					I				I	I						P		
3	KE94098	Tài chính tiền tệ		P			P		I	I			I				I	I								

3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế		I	I										I								I	I			
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin		P	I										I								I				
3	DN91034	Tiếng Anh 1												P		R				P			P				
		HẾT HỌC KỲ 3																										
4	KT92104	Nguyên lý thống kê	P			P							I						M	I								
4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học		R											I								I				
4	KE94107	Ngân hàng thương mại					P		P	P			P				P											
4	KE94102	Tài chính doanh nghiệp 1							P		P						P	P			P	P						
4	KE94087	Marketing ngân hàng thương mại						P					P				P		P				P					
4	KE94017	Kế toán tài chính						P			R		P													P	P	
4	DN91035	Tiếng Anh 2												R		M				R			R					
		HẾT HỌC KỲ 4																										
5	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		M											I								I					
5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh		R											I								I					
5	KE94112	Tài chính doanh nghiệp 2					R		R	R	R	M					R	R				P						
5	KE94008	Kế toán ngân hàng thương mại					P										P				P	P				P		
5	KE93128	Kế toán quản trị				M		P					P				I	I				I						
5	KE94114	Thanh toán điện tử					P		P	P											P	P				P		
5	KE94374	Thực tập nghề nghiệp 1					M		P								P		I	P			I		R			
		HẾT HỌC KỲ 5																										
6	KE94103	Thị trường chứng khoán			M		R		R											P		P	R					
6	KE94117	Tín dụng ngân hàng					R		P		R			M							R	M						

6	KE94132	Kế toán chi phí						P		I			P									P			P	P
5	KE94111	Tài chính công					P		R	R	R		P														P
6	KE94133	Hệ thống kiểm soát nội bộ						R			R		P					P	P								R
6	KE94109	Quản trị danh mục đầu tư					R		R		R												R				R
6	KE94384	Thực tập nghề nghiệp 2							M								R	M	P	R	P				M		
		HẾT HỌC KỲ 6																									
7	KE94115	Thanh toán quốc tế							R		P		R								P	R					
7	KE94106	Định giá tài sản					R		R										R		R						M
7	KE94110	Tài chính cá nhân					R			R		R										P	M				
7	KE94144	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo						M					R	R					R								M
7	KE94113	Tài chính vi mô					M		P	P				R					I				R				R
7	KE94051	Quản trị rủi ro ngân hàng thương mại					R				R	R	P											P	P		
7	KE94101	Công nghệ tài chính					R		R						M						R	P					R
		HẾT HỌC KỲ 7																									
8	KE94495	Khoá luận tốt nghiệp							M	M	M	R	M				M		R	M	M						
8	KE94105	Phân tích tài chính doanh nghiệp								P		M							P				P			P
8	KE94130	Chuẩn mực kế toán kiểm toán						M			P		P														M
8	KE94118	Toán tài chính					P														M		P	P		P
		TỔNG																									

PHỤ LỤC 7: LỘ TRÌNH HỌC TẬP

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG (FINANCE - BANKING)

